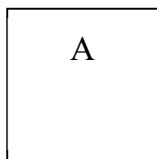
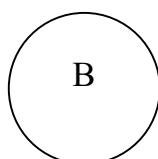


TỔNG HỢP KIẾN THỨC TOÁN LỚP 1 SÁCH MỚI

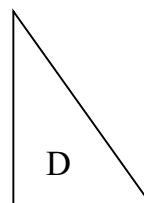
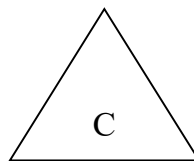
1. Hình vuông, hình tròn, hình tam giác



A là hình vuông.



B là hình tròn.



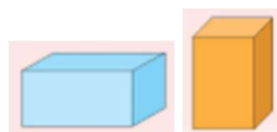
C và D là hình tam giác.

2. Hình khối trong không gian

Khối lập phương



Khối hình chữ nhật



3. Vị trí định hướng trong không gian.



Thỏ trắng ở giữa thỏ nâu và xám.

Thỏ xám ở sau thỏ trắng.

Thỏ nâu ở trước thỏ trắng.



Con mèo ở dưới cái bàn.

Búp bê ở trên cái bàn.

4. Dấu lớn hơn, bé hơn, bằng nhau.

$>$ $<$ $=$



5. Số bé nhất có 1 chữ số là số: 0

Số lớn nhất có 1 chữ số là số: 9

Số bé nhất có 2 chữ số là số: 10

Số lớn nhất có 2 chữ số là số: 99

Số bé nhất có 3 chữ số là số: 100

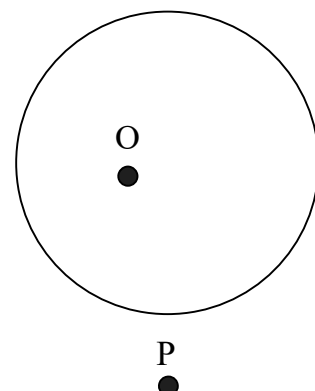
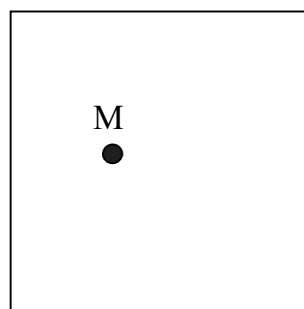
6. Điểm, điểm ở trong và ở ngoài 1 hình



Điểm A



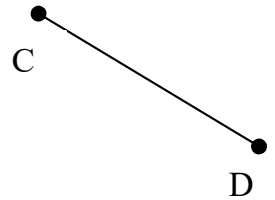
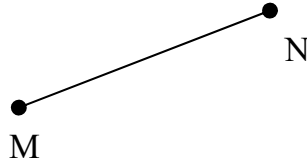
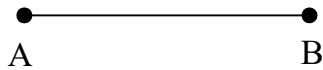
Điểm B



Điểm M ở trong hình vuông, điểm N ở ngoài hình vuông.

Điểm O ở trong hình tròn, điểm P ở ngoài hình tròn.

7. Đoạn thẳng, đo độ dài đoạn thẳng

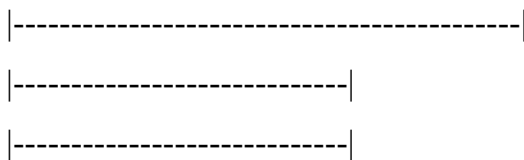


Ta có: đoạn thẳng AB
đoạn thẳng CD

Đoạn thẳng MN

Đoạn

Muốn đo độ dài các đoạn thẳng ta dùng thước có đơn vị đo là xăng-ti-mét viết tắt là cm.



Đoạn A: Đoạn A dài hơn đoạn B

Đoạn B: Đoạn B ngắn hơn đoạn A

Đoạn C: Đoạn B = Đoạn C

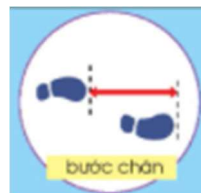
Một số cách đo độ dài bằng cách ước lượng:

Sải tay

Gang tay

Bước chân

Viên gạch

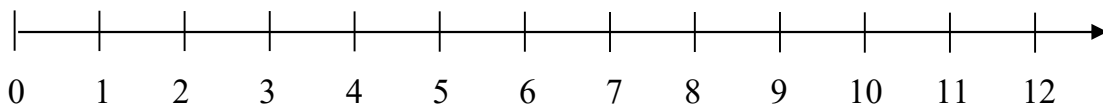


8. 1 chục, tia số

10 đơn vị = 1 chục

20 quả cam = 2 chục quả cam

30 que tính = 3 chục que tính



9. Phép cộng thêm hàng đơn vị và phép trừ bớt đi hàng đơn vị

a) $14 + 3 = 1$ chục 4 đơn vị cộng thêm 3 đơn vị = 1 chục 7 đơn vị

=

$$\begin{array}{r} 14 \\ + 3 \\ \hline 17 \\ - 4 \\ \hline 13 \end{array}$$

b) $17 - 4 = 1$ chục 7 đơn vị trừ đi 4 đơn vị = 1 chục 3 đơn vị = 13 = 13

10. So sánh số có 2 chữ số

Ví dụ:

$25 > 19$

$25 < 29$

Ví dụ:

$$\begin{array}{r} 99 \\ - 54 \\ \hline 45 \end{array}$$

Thứ 2, thứ 3, thứ 4, thứ 5, thứ 6, thứ 7, chủ nhật.